

Bản án số: 83/2022/HNGĐ – ST

Ngày 21-12-2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Loan

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hứa Ngọc T, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

*** Bị đơn:** Ông Trần Tiến D, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Hứa Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Trần Tiến D tự nguyện sống chung vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại KP Ninh Phú, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên bà T xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung tên Trần Ngọc Mỹ D1, sinh ngày: 03/11/2012. Khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con. Hiện bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông D không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Trần Tiến D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông D thống nhất với lời trình bày của bà Hứa Ngọc T về quan hệ hôn nhân. Ông D thừa nhận giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông D có lỗi nhưng bà T cũng có lỗi. Nhưng ông D biết sai, ông D sẽ sửa sai, ông D cảm thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông D mong vợ chồng có gì thì thẳng thắn nói với nhau cùng nhau vượt qua. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông D thì ông D không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung tên Trần Ngọc Mỹ D1, sinh ngày: 03/11/2012. Trong trường hợp ly hôn, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, T thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Ngọc T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hứa Ngọc T được ly hôn với ông Trần Tiến D.

+ Về con chung: Giao cho bà Hứa Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên Trần Ngọc Mỹ D1, sinh ngày: 03/11/2012.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hứa Ngọc T không yêu cầu ông Trần Tiến D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Hứa Ngọc T có đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Tiến D tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy bà Hứa Ngọc T và ông Trần Tiến D có hộ khẩu và sinh sống tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Hứa Ngọc T và ông Trần Tiến D sống chung với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo giấy nhận kết hôn số 76/2011 ngày 16/8/2011 của UBND xã Lộc Thiện. Như vậy, Hôn nhân giữa bà Hứa Ngọc T và ông Trần Tiến D là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà T cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên bà T xin được ly hôn với ông D.

Trong quá trình giải quyết, ông D thừa nhận giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông D có lỗi nhưng bà T cũng có lỗi. Nhưng ông D biết sai, ông D sẽ sửa sai, ông D cảm thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông D mong vợ chồng có gì thì thẳng thắn nói với nhau cùng nhau vượt qua. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông D thì ông D không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa bà Hứa Ngọc T khẳng định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông D nữa và cương quyết xin ly hôn. Ông D cũng không có biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung tên Trần Ngọc Mỹ D1, sinh ngày: 03/11/2012. Cháu D1 có nguyện vọng sống chung với bà T, bà T cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho bà T

chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp, để cháu D1 có đủ điều kiện phát triển về thể chất cũng như tinh thần.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Ngọc T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hứa Ngọc T được ly hôn với ông Trần Tiến D.

2/ Về con chung: Giao cho bà Hứa Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên Trần Ngọc Mỹ D1, sinh ngày: 03/11/2012.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hứa Ngọc T không yêu cầu ông Trần Tiến D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4/ Về tài sản chung: Bà Hứa Ngọc T và ông Trần Tiến D khẳng định không có tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về nợ chung: Bà Hứa Ngọc T và ông Trần Tiến D khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hứa Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0010062 ngày 20/10/2022.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thiện
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết